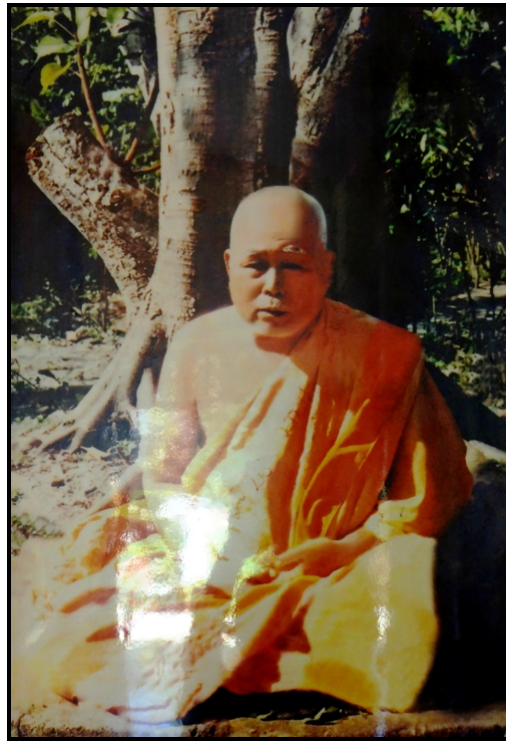


Trung Giang Ký Sự – kỳ 36

Hành Vân

Trong khi đang tìm hiểu đoàn Ni trưởng Trí Liên, về Ngọc Ân ở Tầm Vu gặp Ni sư Khoa Liên tôi lại được biết nhiều về trưởng lão Giác Nhơn, một trong chín vị tỳ-kheo đệ tử Tổ sư Minh Đăng Quang.¹ (Gồm các sư: Từ Huệ, Giác Tánh, Giác Chánh, Giác Như, Giác Nhơn, Giác Hải, Giác Thần, Giác Hòa, Giác Tịnh.) Hai ngày sau lên Tây Ninh gặp Ni sư Châu Liên để tìm hiểu về đoàn Ni trưởng Cung Liên, tôi lại được biết nhiều về trưởng lão Giác Lập, một trong 10 vị sa-di tập sự đã cùng vào “núi lửa” chịu nạn với Tổ sư. (Gồm các sư: Giác Tôn, Giác Hoằng, Giác Lập, Giác Nguyên, Giác An, Giác Thường, Giác Duyên, Giác Giới, Giác Thủy, và tập sự Giác Pháp.) Do duyên này tôi viết về hai vị chung trong một bài ký sự.



Trưởng lão Giác Nhơn, 1918 – 1986.

Hình chụp lúc cuối đời ở Ngọc Ân – Tầm Vu.

Hình chụp lại bị dính vết ánh sáng phản trên mặt kính.

Trưởng lão Giác Nhơn thế danh Lê Văn Hùng, sinh năm 1918 tại làng Tân An, thuộc địa phận trung tâm của tỉnh Cần Thơ từ ban đầu thành lập. Lớn lên, Lê Văn Hùng được cha mẹ cưới vợ cho, tiếp bước con đường của thế nhân, nhưng rồi hai vợ chồng không có con.

Năm 1951 Lê Văn Hùng phát tâm xuất gia theo đại đức Minh Đăng Quang, được ngài cho pháp danh là Giác Nhơn. Ngày mùng 9 tháng 7 năm Tân Mão 1951 sư được thọ giới Sa-di tại Tịnh xá Ngọc Viên – Vĩnh Long. Một năm

¹ HT. Giác Thuận ở Ngọc Tâm nói giáo hội chỉ có bảy tỳ-kheo sau khi Tổ sư vắng bóng. Nhưng bài viết này vẫn ghi nhận là có chín tỳ-kheo, bởi vì Tổ cho sư Từ Huệ đi riêng (để an toàn cho giáo hội, tránh sự nghi kỵ của chính quyền) mà Tổ vẫn nhìn nhận, và sư Giác Tịnh tuy được Tổ sắp làm tỳ-kheo đầu năm 1955 nhưng vẫn mặc y Tỳ-kheo từ thời Tổ, sư không phải thọ giới Tỳ-kheo sau khi Tổ vắng bóng.

sau sư được thọ giới Tỳ-kheo vào ngày rằm tháng 7 năm Nhâm Thìn 1952, tại Tịnh xá Ngọc Quang – Sa Đéc. Bởi sư Giác Nhơn có thiện căn thuần thực nên sớm được thọ giới so với nhiều huynh đệ khác.

Người bạn đời của Lê Văn Hùng sau đó cũng đi tu, pháp danh là Bửu Liên. (*Vậy phải sau khi sư cô Bửu Liên ở Phú Mỹ mất vào năm 1952.*) Khi ở thế hai người có một đứa con nuôi, về sau theo trưởng lão Giác Nhơn xuất gia ở Tịnh xá Ngọc Thọ được vài năm.

Từ khi được đứng vào hàng xuất gia thiết thọ, làm một vị tỳ-kheo trong Giáo pháp Khất sĩ, sư Giác Nhơn đã tinh tấn theo thầy và theo Tăng đoàn hành đạo, nên sư có thần thông. Lúc sư xuất gia nhập đạo cũng là lúc đại đức Minh Đăng Quang đang ra sức kiến lập đạo tràng, tiếp Tăng độ chúng, biên soạn bộ *Chơn Lý*, và tổ chức hoằng pháp vĩ mô của Tăng đoàn qua mô hình Đoàn Du Tăng Khất Sĩ, để thành lập Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam. Do đó sư cùng các huynh đệ đương thời được vinh dự là hàng tiền bối của bao người sau này. Khi thầy sớm vắng mặt, sư Giác Nhơn cùng tám vị tỳ-kheo khác là những đệ tử lớn của Sư trưởng Minh Đăng Quang, vài năm sau được mọi người kính trọng gọi là trưởng lão². Sau đó sư Giác Nhơn đã chọn lối tu tịnh, trong khi đa số chư Tăng, Ni khất sĩ hiệp đoàn và bung ra hoằng pháp, lập nên những sự nghiệp lớn lao ở đời.



Trưởng lão Giác Nhơn thời trẻ, hình dán trong chứng điệp của sư.

Năm 1954, sau khi ngài Minh Đăng Quang vắng bóng, giáo hội cắt cử hai sư Giác Nhơn và Giác Bửu về ở Tịnh xá Ngọc Thanh – Tây Ninh. Bữa đó có người lái xe bốn chỗ vào tìm quý sư. Xe chạy thẳng vô đám măng cụt sau tịnh xá, bà chủ đất tình cờ gặp. Thấy trên xe có một vầng ánh sáng nên bà muốn lên tịnh xá xem mà có một người cản, nói: “Bà về tìm một người nữa mới lên

² Lúc chín vị này chưa đủ tuổi Hạ cũng gọi vậy, tuy theo Giáo pháp Khất sĩ thì 12 tuổi Hạ mới được gọi là trưởng lão.

được.”, vì luật Khất sĩ dạy các cư sĩ nam nữ muốn đến tịnh xá phải đi hai người trở lên. Khi bà lên tới thì xe đã đi mất rồi. Sáng hôm sau mọi người hỏi sư Giác Nhơn có phải trên xe có đại đức (Minh Đăng Quang) không? Sư đáp: “**Nếu nói đại đức còn thì lấy đâu chỉ? Nếu nói đại đức mất thì là nói dối.** Thôi quý vị lo tu đi.”.

Do năm 1960 giáo hội (*chưa chia đoàn*) giao Tịnh xá Ngọc Thạnh cho sư cô Trí Liên, sáu thầy trò luân chuyển qua lại Ngọc Truyền và Ngọc Thạnh ở, nên Tiểu Khoa ngày đó được nghe kể chuyện này. Khi trưởng lão Giác Nhơn về Ngọc Ân sư cô Khoa mới hỏi chuyện đó là sao, trưởng lão trả lời: “Tổ tịch rồi, lúc đó sư nói vậy cho mọi người tinh tấn tu.”.

Qua chuyện này ta biết thêm được cách nhìn của một đệ tử Tổ sư về sự kiện ngài bị bắt mất tích. Ngay trong giai đoạn 1954 sư Giác Nhơn đã xác định là thầy đã tịch, đã mất, từ đó sư muốn đi theo thầy.³ Đương thời, sự kiện Tổ sư bị bắt mất tích là một sự kiện chấn động, được rất nhiều người quan tâm, mãi thắc mắc vấn đề ngài mất hay còn? Sư Giác Nhơn đã nói một câu khó hiểu: “Nếu nói đại đức còn thì lấy đâu chỉ? Nếu nói đại đức mất thì là nói dối.”, làm mọi người bối rối, thôi thắc mắc. Câu nói này có phải do người trên chuyến xe hôm ấy nói với sư chăng?

Từ lâu nay mọi người đồng lòng gọi Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng chứ không gọi là viên tịch, chính tôi cũng chấp nhận như vậy mà không tìm hiểu. Trước thật tế là ngài đã bị bắt rồi mất tích, **không rõ sống hay chết**, và trước khi bị bắt Tổ sư đã họp Tăng dặn dò mọi người ở lại lo tu, đề ngài lên núi lửa tu tịnh một thời gian, nên các đệ tử không thể gọi là ngài đã viên tịch và cũng không thể gọi là ngài đi tu tịnh, mà đồng lòng gọi thầy vắng bóng, với hy vọng có ngày thầy sẽ trở về. Vậy tìm hiểu đến đây chúng ta đã xác định được ý nghĩa của từ “vắng bóng” trong ngữ cảnh của nó.

Còn đạo lý của Vắng bóng có thể hiểu như thế này: **Đối với bậc đã vượt ngoài sống chết thì ta không thể nói là người ấy sống, cũng không thể nói là người ấy chết.** Các bậc siêu thoát ấy mà ẩn hay hiện ở nhân gian này là tùy duyên. Nhục thân đại đức Minh Đăng Quang không rõ mất hay còn, đang tạm vắng, nhưng pháp thân của đại đức có mất bao giờ!

Cũng trong lần sư Giác Nhơn ở Tịnh xá Ngọc Thạnh đó, có đứa bé bị to bụng sắp chết, bệnh viện đã trả về nhà, gia đình vào tịnh xá xin quý sư cứu giúp cho con của họ. Lần đó sư Giác Nhơn đã hứa giúp. Đến 12 giờ đêm, giờ các sư tọa thiền theo quy định, hai sư lên chánh điện thắp nhang lễ Phật, cầu nguyện cho bé. Sau đó hai vị xuống cốc tu, riêng sư Giác Nhơn đã vào thiền, dùng tư tưởng bóp bụng đứa bé, nó la “Á!”⁴, sáng ra thì xẹp bụng, hết bệnh. Người trong xứ vốn đã rất tin ngưỡng theo đại đức Minh Đăng Quang, nay họ lại càng kính các sư. Nhưng lần đó sư Giác Nhơn không kể cho ai biết mình đã chữa bệnh cho bé, (*xem như bé còn có phước nên quý sư chỉ cầu nguyện mà được*), và từ đó sư cũng không chữa bệnh cho ai nữa cả.

³ Bằng cách về núi bỏ xác, tuy khí khái nhưng có phần tiêu cực.

⁴ Quốc tế ngữ, dân Tây hay dân Tàu khi bị đau đột ngột cũng la “Á!” như dân Ta.

Lúc cuối đời, do sư cô Khoa Liên hay theo hỏi thăm nên trưởng lão Giác Nhơn đã kể lại chuyện này. Kể xong trưởng lão nói: “Tu một đời rồi phải có gì mang theo chớ con. Lo cho người mãi thì mình còn gì?”. Lời phát biểu này là lời khi về già, còn chuyện kể lại xảy ra từ lúc mới tu ba năm; nó đã bộc lộ quan điểm tu hành của người nói. Đã tu hành thì kết quả đắc đạo, có nhân có quả tương ứng, mà có những cách tu không cần phải bận lòng cho ta hay cho người. Nói chung thì các nhà sư không chữa bệnh cho người là đúng. Bởi có một số tu sĩ chuyên bắt ma nhập người, dùng đạo lực chữa bệnh hiểm cho người... chưa hẳn là tinh tấn trên con đường đạo đức và dễ khiến người mê tín vào thần quyền, không tin lý nhân quả. Còn chữa bằng thuốc men bình thường thì để người đời làm, các sư lo tu lại hơn.

Sau đó sư Giác Nhơn lập chí về vùng Bảy Núi bỏ xác, sư Giác Bửu về giáo hội. Vì muốn bỏ xác, nên sư lên núi Dài Văn Liên (*núi Ngọa Long*) tìm vào một hang cộp ngồi tu. Khi con cộp về, nó ngồi ngoài cửa hang ngó sư, nhưng sư vẫn ngồi yên nên nó bỏ đi. Sau đó nó quay lại, trở đầu ra, dùng đuôi ngoắt ngoắt như gọi người trong hang đi theo. Sư Giác Nhơn nghĩ là nó muốn mình đi theo nên sư đi. Con cộp dẫn sư đến một cái hang khác, lại dùng đuôi ngoắt ngoắt như ý muốn bảo sư ở hang đó. Sư vào hang đó ở mà nghĩ: “Mình muốn lên đây bỏ xác, nó lại chê không ăn, còn dẫn qua cái hang này cho ở nữa!”. Từ đó sư Giác Nhơn không còn ý bỏ xác nữa, ở lại trên núi tu.

Chuyện trưởng lão Giác Nhơn gặp cộp này do hòa thượng Giác Ngộ hồi trẻ ở Châu Đốc (1960) được nghe bà Quý Ngọc kể. Còn Ni sư Khoa Liên thì kể khác: “Trưởng lão Giác Nhơn muốn bỏ xác là theo một lời kêu gọi trong mộng. Khi một mình lên núi, sư muốn tìm chỗ nào không có bát nhang, không có tiếng người thì ở. Sư đi mãi, cuối cùng đến một hang đá trên núi Dài Văn Liên, cảnh mát mẻ, mặt đá bàn trong hang nhẵn bóng, thì thấy hợp ý. Sư mới xin chủ đất, họ ừ mà còn hứ nữa, nói: “Giỏi vô đó mà ở!”⁵. Sư mới bẻ lá quét dọn hang rồi ở tu. Hôm sau bất ngờ có một con cộp về hang. Nó đứng nhìn sư, sư ngồi nhìn nó nói: “Nếu phải thì ông cứ vô làm việc đi! Nếu tui còn duyên tu thì ông cộp cho tui mượn hang tu hành.”. Một lát con cộp bỏ đi, lâu lâu còn hái trái cây mang về cho sư ăn...”.

Còn cổ “hòa thượng” Giác Thảo I lúc trẻ từng phụ hai ngài Giác Nhơn và Giác Bửu vác cát, vác xi-măng lên xây chánh điện Ngọc Thọ, lại kể khác cho đệ tử là sư Giác Tân: “Hồi đó sư Giác Nhơn bị bệnh nhiều, nên có ý lên núi bỏ xác. Sư lên núi Dài Văn Liên tìm vào một hang cộp ở. Con cộp về, ở ngoài hai, ba ngày mà không vào hại sư. Còn sư lúc đó cứ ở ỳ trong hang, đến khi thấy mấy ngày mà cộp không hại mình thì sư thầm nguyện rằng “Tui bệnh quá, ông có ăn thịt thì ăn, còn không thì cho tui mượn hang ở đây tu.”. Sau đó con cộp bỏ đi. Sư lấy lửa đốt hang cho hết mùi cộp và cho hang rộng ra rồi ở đó tu.”.

Sư Giác Nhơn ở trên núi tu thiền, luyện võ, trồng trọt... đến TỰ TỬ mỗi năm cũng không về giáo hội, cả bốn lần các huynh đệ lập đoàn du hành ra miền Trung và miền Cao nguyên sư đều không có tham gia. Một thời gian sau sư

⁵ Chi tiết xin chủ đất là vô lý.

Giác Bửu lên núi ở với sư, đến Tự tứ năm 1958 sư Bửu về giáo hội thọ giới Tỳ-kheo rồi lại về núi theo sư huynh. Thỉnh thoảng chư Tăng, Ni khát sĩ lên thăm sư, có khi ở lại vãn đạo nữa. Khi còn là cư sĩ, sư cô Trung Liên (*xuất gia 1960*) đã đi nghe Tổ sư Minh Đăng Quang thuyết pháp và cúng dường, gần gũi với chư Tăng, Ni khát sĩ. Hâm mộ hạnh tu của trưởng lão Giác Nhơn nên có lần cô theo sư cô Trí Liên lên núi Dài thăm viếng, cúng dường trưởng lão. Lần đó họ gặp trưởng lão đang xẻ cả thúng đu đủ mổ vệt để cho đàn khỉ ăn. Xẻ xong, trưởng lão Giác Nhơn lấy cây khô cộc cộc báo hiệu cho bọn khỉ xuống. Lũ khỉ xuống, thấy có người mặc đồ nâu liền vội leo lên cây. Trưởng lão Giác Nhơn nói: “Ồ đây có người mặc đồ nâu nên nó sợ. Bây giờ lấy cái tọa cụ phủ cái quần lại đi.”... Rồi trưởng lão lại khỏ cộc cộc, bọn khỉ xuống, nhà sư đem đu đủ thả ra, thấy miếng nào mỗi chú khỉ cũng đều chụp được.⁶

Chỗ trưởng lão Giác Nhơn tịnh tu gần sóc Miên, ở lâu ngày những người Miên thương sư. Khi thấy thời buổi loạn lạc, sợ trưởng lão Giác Nhơn bị hại nên họ muốn giết sư chết chứ không để ai giết! Do đó Phật tử Châu Đốc mới thỉnh trưởng lão Giác Nhơn về Tịnh xá Ngọc Thọ ở gần Nhà Bàng. Ngọc Thọ là ngôi tịnh xá do sư Giác Sơn (*họa sĩ*) sáng lập năm 1954, buổi đầu còn rất đơn sơ. Năm 1958 sư Giác Sơn mất, mộ chôn bên gò phía dưới tịnh xá, ngôi già-lam bỏ hoang. Nhưng bây giờ trong vùng có các đệ tử Tổ sư là sư Giác Phương và các sư cô Nghiêm Liên, Pháp Liên, Phần Liên, Tràng Liên, Mỹ Liên... về cất cốc ở tu, sau khi Tổ sư thọ nạn vắng bóng.⁷



Mộ sư Giác Sơn, Khất sĩ Tăng-già, 1907 – 1958.

Ngọc Thọ nằm trên một đỉnh gò trong khu vườn Tiêu, là một bãi đá hơn 3000 mét vuông, cây rừng mọc dày, còn núi Đất ở gần đó (*mà trong Ba Chúc và bên Đồng Tháp cũng có núi Đất nữa*). Xưa nơi này trồng nhiều tiêu nên được người trong vùng gọi là khu vườn Tiêu. Nơi này còn được gọi là núi Mai, vì có

⁶ Năm 1960 sư Giác Nhơn không ở núi Dài nữa, vậy chuyện này phải xảy ra trước năm 1960, tức là khi đó cô Trung Liên chưa xuất gia.

⁷ Mới nghe tên Giác Phương, Pháp Liên, Phần Liên lần đầu, do Ni trưởng Hoa Liên ở Ngọc Thanh kể. Ni trưởng là đệ tử sư bà Pháp Liên, nhưng pháp danh do trưởng lão Giác Nhơn đặt, giới phẩm Tỳ-kheo Ni do Pháp sư Giác Nhiên truyền, về sau y chỉ theo Ni trưởng Ngân Liên.

nhiều cây mai. Ngày nay phía trước gò có Tịnh xá Ngọc Mai, phía sau có chùa Mai Sơn, đều lấy chữ Mai đặt tên. Địa thế gò này có các núi Năm Giếng (*Ngũ Hồ sơn*), núi Két (*Anh Vũ sơn*) và núi Trà Sư bao ba phía, tức là trong khu vực Thất Sơn. Tình hình khu vực này thời trước năm 1975 là ngày Quốc gia, đêm Việt cộng.



Một góc sườn núi Két, chụp từ đường vô ba chùa Phước Linh, Mai Sơn, Kim Tiên.

Về đây trưởng lão Giác Nhơn và sư Giác Bửu đã xây dựng, sửa sang nhiều. Trên đỉnh núi hai vị và chư Tăng cất chánh điện bát giác, rộng 8m, xây tường gạch, lợp mái tôn, mái hiên đúc bê-tông để hứng hết nước mưa của các mái chánh điện. Có hai nhà bát giác thông nhau theo phía trước sau tạo thành một chánh điện. Cổng vào của nhà bát giác ngoài có bốn mái, còn của nhà trong là hai mái. Bên phải chánh điện có nửa dưới các vách là đá tảng của núi, do các sư đã cạy và đục đá ra để tạo mặt bằng. Nhà bát giác trong là nơi cất tháp thờ Phật, bốn trụ cái quanh tháp có đắp bốn con rồng châu Phật. Cửa chính của chánh điện ở mặt trước nhà bát giác ngoài, trên ngoài cửa chính ghi tên tịnh xá, ngay phía trong ghi các chữ GIÁP THÌN 1964. Phía trước chánh điện có điện Di-đà, nóc điện bầu tròn theo kiểu chùa Tây An – núi Sam.



Toàn cảnh Tịnh xá Ngọc Thọ chụp lên từ hướng Tịnh xá Ngọc Thanh.

Từ trái qua: giảng đường, chánh điện, điện Di-đà.

Chụp vào dịp cúng 49 ngày đại đức Giác Tấn, tháng khô, cây rừng rụng lá nhiều.

Chánh điện Tịnh xá Ngọc Thọ được làm năm 1964. Ngôi chánh điện này có kiến trúc đặc biệt như đã mô tả ở trên. Mà trong giai đoạn đó, xây dựng được như thế trong chỗ hẻo lánh thật không dễ. Ngôi chánh điện này không nên phá bỏ, mà nên giữ lại làm di tích khai sơn mở đạo của hàng trưởng lão Khất Sĩ ngày xưa.

Ngoài việc xây chánh điện, có một công trình đáng kể nữa mà trưởng lão Giác Nhơn và chư Tăng đã làm là xây được nhiều bồn nước lớn. Địa thế Tịnh xá Ngọc Thọ ở trên gò cao, giếng đào không có nước, nên phải xin nước ở các chùa Phước Linh... bên dưới mang về dùng. Do vậy chư Tăng đã cố gắng tích trữ nước mưa.

Rồi các sư lại cạy đá làm đường cho Phật tử dễ đi lên tịnh xá. Đường từ phía trước chánh điện đi lên, từ hướng núi Trà Sư. *(Còn đường ngày nay ở hướng ngược lại, do đại đức Giác Tấn mở sau năm 2001, theo lời bàn của hai ngài Giác Giới và Giác Thảo. Sau đó đại đức Giác Tấn về đây đã mở rộng đường, lát đá chẻ, xe du lịch chạy lên được.)* Hồi đó trưởng lão Giác Nhơn bị yếu hai chân, lúc về Ngọc Thọ ít đi bát. Người ta chỉ mấy sư đào củ củ phơi khô, đâm dập ngâm rượu *(xin phép Phật)* uống, nhờ vậy hai chân mạnh lên, có sức làm công quả. Ngày nay Ngọc Thọ có đường xe lên đến nơi, lại có nước máy, nên điều kiện sống đã khác trước rất nhiều.

Hồi đó Nhà Bàng chưa có Phật tử nhiều, mỗi ngày chư Tăng, Ni đi khát thực ít được cúng, nên phải đi bộ bảy cây số vô chợ Tri Tôn khát thực mới có điều kiện sống. Nhưng dần dần cũng có nhiều người ở Nhà Bàng theo đạo. Trưởng lão Giác Nhơn về Ngọc Thọ có các bà Quý Ngọc và Tạng Ngọc ở Châu Đốc, cô Bích Ngọc ở gần tịnh xá... hộ pháp. Cô Bích tuổi chừng ba mấy, buôn trái cây, hễ ở Châu Đốc ai gởi gì cho Ngọc Thọ thì cô mang về, rồi đội lên tịnh xá cúng. Cô hộ pháp đến trọn đời. Ông Xã Nghệ pháp danh Thiện Minh ở tại Nhà Bàng, gia cảnh khá giả, làm chủ một tiệm vàng, một tiệm thuốc Tây và một

nhà máy, đã ủng hộ nhiều cho trưởng lão Giác Nhơn xây cất tịnh xá. Về sau ông cũng xuất gia một thời gian.

Ngọc Thọ nên ngôi, hiển nhiên đứng đầu trong cả vùng⁸, nhất là danh tiếng của ngài Giác Nhơn là một vị trưởng lão của Đạo Khất Sĩ thì ai cũng quý kính. Từ đó chư Tăng, Ni cùng Phật tử hay ghé thăm Ngọc Thọ, nhiều người cũng đến xin xuất gia tu hành, tịnh xá đạo tràng trở nên hưng thịnh.



Chánh điện Tịnh xá Ngọc Thọ (vẫn còn như thời mới cất)

Địa chỉ 137/7 ấp Phú Hòa, xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Những cặp đà giăng cầu vô cột trong chánh điện là để gánh mái hiên bê-tông bên ngoài.

Về trụ Ngọc Thọ, khi có người đến xin xuất gia trưởng lão Giác Nhơn cũng tùy duyên thọ nhận. Ngài đã nhận nhiều vị như các sư Giác Duyên, Giác Tiến, Giác Khương, Giác Tiên, Giác Cẩn, Giác Nhiều, Giác Hiểu, Giác Biết, Giác Phước, Giác Lộc, Giác Thọ, Giác Đăng...sau Giải phóng nhận các vị Giác Ngộ, Giác Hạnh, Giác Vĩnh, Giác Thiện... tính chung khoảng trên 30 đệ tử xuất gia. Trong đó, sư Giác Duyên xuất gia năm 1960, làm tập sự một lớp với Ni trưởng Hoa Liên ở Ngọc Thanh. Sau này thượng tọa Giác Duyên kế thế trụ trì Ngọc Thọ, khi viên tịch năm 2001 thọ 70 tuổi và Hạ lạp được 36 năm. Số còn lại lớp chết, lớp hoàn tục, bây giờ không còn ai.

Lúc hòa thượng Giác Ngộ còn trẻ, mỗi lần về Châu Đốc đều theo Pháp sư vô Ngọc Thọ thăm trưởng lão Giác Nhơn. Chính trưởng lão Giác Nhơn đã kể cho quý sư nghe về ông Huỳnh Minh. Ông ấy ngày xưa đã đến Thốt Nốt xin Tổ sư Minh Đăng Quang cho xuất gia. Thấy ông bị hư một mắt, Tổ sư bảo làm nhà sư phải đủ sáu căn để người đời khỏi khinh chê nhà Phật, nay ông không đủ điều kiện làm Tăng nhưng vẫn có thể tu hành được như mọi người. Rồi Tổ chỉ ông về núi mà tu, hễ tu tốt thì cũng đắc đạo quả. Năm 1960 trưởng lão Giác Nhơn ở Ngọc Thọ thì ông Huỳnh Minh đang ở tu bên Sơn Công (*chỗ có chim*

⁸ Nhưng nay là chánh điện nhỏ nhất vùng.

công về nhiều), khu đối diện Tịnh xá Ngọc Thanh. Trong năm đó ông đã qua Ngọc Thọ đánh lễ trưởng lão Giác Nhơn xin được thọ giới làm Tăng. Trưởng lão Giác Nhơn đáp: “Lúc trước đức Thầy đã bảo rồi, nay tôi sao dám nhận ông?”. Thấy ông ta cứ tha thiết nên trưởng lão Giác Nhơn bảo: “Thôi ông muốn gì thì lên chánh điện lễ Phật mà xin, chứ tôi không dám.”. Ông ta liền lên chánh điện làm thiết, sau đó lấy y mặc vào, xuống chào trưởng lão Giác Nhơn rồi về. Từ đó ông Huỳnh Minh nhận đệ tử, lập ra một đoàn Khất sĩ. *(Nhưng hình như chỉ ba, bốn năm sau thì ông bị bắt mất.)*

Năm 1960 sư Giác Tri khi còn là sa-di đã bỏ thầy Tịnh đi, đến Ngọc Thọ chỗ trưởng lão Giác Nhơn xin ở tu. Sư cố gắng tu theo trưởng lão được hai năm, một đêm bỗng nhớ nhà quá, tính là sáng ra sẽ xin trưởng lão về thăm nhà. Tới giấc tu thiền 4 giờ sáng, trưởng lão cầm đèn bin đi đến cốc sư Tri nói: “Sao không tỉnh tấn nữa mà lại muốn về thăm nhà?”. Sư Tri sợ, không có ý về thăm nhà nữa. *(Sau sư Giác Tri về lại với thầy Tịnh, năm 64 được thọ Tỳ-kheo một lượt với các sư Giác Cẩm và Giác Kiến tại Tịnh xá Ngọc Nhơn. Trước đó nhóm tám giảng sư Thạnh, Nguyên, Kiều, Phục, Huân, Rạng, Phước và Ân đã bỏ thầy Tịnh đi, tuyên bố trong đoàn sẽ không còn ai thuyết pháp. Nhưng Tự tứ ở Ngọc Nhơn năm đó sư Đoan thuyết Duy thức, sư Tri thuyết Vu-lan. Năm 65 an cư ở Ngọc Nhơn, sư Giác Tri giảng Chơn Lý cho 30 tập sự Giác Thường, Giác Dũng, Giác Thanh, Giác Minh... nghe; sư Giác Tổng lúc đó là sa-di ba năm mỗi ngày dẫn chúng tập sự thọ trai. Sau đó sư Tri vô phụ Ngọc Đăng. Có bà Tịnh Độ người Tàu, ở Chợ Lớn, nhà dài cả 200 mét, có mấy tàu buôn hàng hải. Chồng bà phát nguyện mỗi năm cất một cảnh chùa. Con gái bà mua đồng hồ hai, ba chục ngàn cho sư Giác Tri đeo. Sư Tri lái xe đi đâu là cô đi theo phụ. Rồi cô dẫn sư Tri về đời luôn, bây giờ đồng con... Chuyện này do thượng tọa Giác Minh II kể.)*

Năm 1975, sau Giải phóng mấy ngày, trưởng lão Giác Nhơn nói với Tăng, Ni là ngày mai có ông Tư dẫn hai đứa con lên đây tu. Mọi người đều biết ông Tư nào. Qua hôm sau có ông Tư và hai con từ Long An xuống, xin gởi con gái vào tu ở Tịnh xá Ngọc Mai, gởi con trai vào tu ở Tịnh xá Ngọc Thọ theo trưởng lão. Chú thanh niên đó được thế phát, pháp danh là Giác Ngộ, theo thầy tu học được bảy năm. Bây giờ pháp danh của chú là Thiện Ngộ, tuổi vừa ngoài 60, từ khi còn trong thai mẹ đến nay vẫn ăn chay.

Trưởng lão Giác Nhơn thường dạy đệ tử: “Người chưa biết tu ngày nào không bằng người biết tu một ngày. Người tu được một tháng hơn người tu được mấy ngày. Người tu được một năm hơn người tu được một tháng... Nên ai phát tâm tu là mình tiếp dẫn liền, được ngày nào hay ngày nấy.”. Do vậy trưởng lão Giác Nhơn rất thoáng, uyển chuyển giúp người, trong khi đại đức Giác Bửu rất kỷ lưỡng, nhiều chú chịu không nổi sự nghiêm khắc của sư. Mấy chú mới xuất gia đều phải theo đại đức Giác Bửu ăn Ngọ, hễ người dẫn ăn mấy muống là các chú phải ăn mấy muống, bữa nào người dẫn đói bụng ăn hơi nhiều thì mấy chú được ăn nhiều, ăn như tập múa... Nhưng không hiểu sao qua được ba, bốn tháng đầu thì mấy chú không bị ép ăn Ngọ nữa, trưởng lão Giác Nhơn bảo: “Gạo đầy kho đó, chú nào đói bụng cứ ăn!”.

Trưởng lão Giác Nhơn rất thoáng trong thái độ ứng xử chứ ngài vẫn có phương pháp chỉ dạy người của mình, mà nếu ai không có quyết tâm thì sẽ không theo ngài nổi. Người xuất gia ở Ngọc Thọ chỉ được mặc đồ cũ, hễ rách thì vá, đến khi hư mới thay y mới. Mỗi ngày thầy trò tu thiền ba lần vào giấc sớm, chiều và khuya, mỗi lần hai tiếng. Sáng và chiều đều có giờ làm công quả. Ai không giữ giới được thì ngài cho về thế. Ai đủ điều kiện thọ giới thì ngài thỉnh chư Tăng về Ngọc Thọ tổ chức giới đàn truyền giới cho, giới đàn do ngài làm hòa thượng. Thọ Tỷ-kheo rồi các đệ tử xin về giáo đoàn Tự tứ, trưởng lão Giác Nhơn vẫn cho phép. Khi các vị ấy muốn xin nhập giáo đoàn, trưởng lão trả lời: “Không được, mấy ông cứ theo tui tu tịnh.”

Ngài chú trọng giải thoát, khi thuyết pháp cúng hội đều dạy như vậy. **Ngài dạy tọa thiền niệm Phật**, đếm hơi thở... tùy theo mỗi người thấy hợp pháp nào. Ngài dạy tu thiền thế này: Lấy đề mục chính để định tâm. Khi an tâm thì soi ra vạn pháp, cũng như ly nước lóng trong thì thấy được hết. Lắng lòng trong sạch mới thấy được bên ngoài, nếu ly nước đục thì không thấy được bên kia. Trong khi tu có nhiều vấn đề khác, không nói hết được...

Mấy chuyện tỉ mỉ nhỏ nhặt ngài đều bỏ hết, đó là điều các đệ tử nhận ra được ở thầy của mình. Họ hiểu rằng giải thoát là phải tự tại, hoàn cảnh nào mình cũng chịu được. Có lần các sư trong giáo đoàn lên thăm, trưởng lão Giác Nhơn cho xào cả chảo hành lá với tàu hủ mời chư Tăng độ Ngọ. Ngài nói: “Phật tử cúng, thôi tui đãi mấy ông ăn.”. Một sư nói: “Trưởng lão phá giới à?”. Ngài đáp: “Đâu có. Tui tu tịnh, tui đâu trực tiếp ở trong giáo hội.”. Một sư đâu dám phản nản gì, do vai vế ngài lớn. Nhưng rồi các sư nói riêng với mấy chú Giác Ngọ, Giác Hạnh rằng: “Sư phụ mấy ông cho ăn như vậy, sau này mấy ông hư hết ráo.”.

Trưởng lão Giác Nhơn có phước lớn, sau Giải phóng kinh tế khó khăn vậy mà người ta về Ngọc Thọ rất đông, cúng dường rất nhiều, nhất là mấy ngày rằm tháng tư, tháng bảy, tháng giêng... Người đi hành hương leo núi lên chánh điện lễ Phật, cắm đầy nhang khói nghi ngút, cúng tiền đầy chuông, đại đức Giác Bửu lấy bao hốt trước đem về phòng, còn lại bao nhiêu mấy chú hốt đem xuống cho trưởng lão Giác Nhơn.⁹ Phải số tiền đó mà đem xây tịnh xá như thời nay thì sẽ được một cái tịnh xá rất lớn. Họ lại cúng gạo đầy nhóc kho này, kho kia. Hễ đầy thì trưởng lão lại cho dân chứ không kê dịp nào, mỗi bị 10 ký, cho mỗi lần cả tấn. Có khi gạo để nhiều quá bị mọt, phải đem phơi, phơi riết mấy chú phiền não luôn.

Có khi trưởng lão Giác Nhơn nói mai có khách, thế là có không nhiều thì ít, từ một đến bốn, năm xe lớn. Mấy chú xuất gia phải lo cơm nước cho khách, nấu bằng nồi và chảo lớn. Hàng ngày mấy chú đã gom củi sẵn, lá khô cũng được gom lại để nấu ăn.

Ở núi thầy trò cùng nhau tập võ, ngoài những lúc tu hành, công quả. Trưởng lão Giác Nhơn coi lớn con vậy chớ gọn gẽ lắm, mấy cây cột tròn trong chánh điện ngài ôm leo lên thoải mái luôn (*bốn cột của nhà bát giác*

⁹ Lúc này hai sư không thuận nhau. Trưởng lão Giác Nhơn bảo các đệ tử: “Cứ để sư Bửu làm gì thì làm.”.

ngoài). Ngài nói đệ tử: “Mấy ông leo như tui mới được.”, nhưng chẳng chú thanh niên nào leo nổi, là mình là mấy hết. Có Phật tử dưới núi lên tập nữa, khoảng mười mấy người tập rầm rầm. Chính quyền nghi ngờ vô hồi thẩm, do nơi này cách biên giới Việt Nam – Campuchia không xa, trưởng lão Giác Nhơn nói: “Có gì đâu, ăn chay thiếu thốn tập cho có sức khỏe thôi.”.

Có sư lại dạy học cho người bị mù chữ. Rồi chính quyền gọi đi lao động công ích, đến chỗ làm cách 10 cây. Trưởng lão Giác Nhơn không cho đi xe, bắt mấy sư đi bộ. Ra đến chỗ làm dân họ nói: “Hết người, bắt mấy ông sư đi lao động!”. Thôi mấy ngày sau các sư được nghỉ làm.

Năm 1978, giặc Pôn-pốt tiếp tục đánh phá biên giới ở An Giang, có lệnh di tản mà trưởng lão Giác Nhơn và các đệ tử vẫn muốn cố thủ ở Ngọc Thọ, còn đại đức Giác Bửu đã về giáo đoàn. Nhưng đến khi có hai trái pháo rớt gần tịnh xá, trái nổ trái không, thì trưởng lão Giác Nhơn mới quyết định sơ tán. Thầy trò về Nha Môn – Cái Tàu Thượng, chưa tới sáu tháng đã được sư cô Trung Liên trụ trì Ngọc Tân ở Tân An dẫn một đoàn Phật tử xuống thỉnh trưởng lão về Long An. Gia đình sư Giác Vĩnh ở Hiệp Thạnh, Vĩnh Công cúng gần ba công đất cho trưởng lão. Bấy giờ trưởng lão Giác Nhơn đi cùng bốn đệ tử là các sư Giác Ngộ, Giác Hạnh, Giác Vĩnh... Thầy trò cất am cốc ở tu, trong vòng một năm là người ta cúng dường đầy đủ cả rồi, gạo lại để đầy kho.

Ở chỗ mới ngài nhận thêm mấy chú, cho xuất gia, hôm sớm thầy trò lại cùng nhau đi quyền tập võ rầm rầm. Bên chính quyền xã báo cho công an huyện lên bắt hết. Có bà già Tàu chánh đi chợ về ghé tịnh xá báo cho sư cô Khoa: “Ngộ thấy có ông sư bị công an bắt.”. Sư cô Khoa nhờ cô Kim Phật tử là một người làm trong chính quyền đi xem, công an bảo rằng nhà sư thâm mấy thanh niên cho đi tu, mất ruộng cột nước nhà nên họ bắt. Nói rồi họ thả hết ra, nhưng yêu cầu mấy sư dọn đi chứ không được ở nữa.

Hôm sau sư cô Khoa đứng ra bảo lãnh nên các thầy trò trưởng lão Giác Nhơn ở lại được. Sau đó bị người lấn đất, trưởng lão nói: “Thế gian trả lại thế gian, giành lấn chi!”, rồi thầy trò dọn đồ về lại Cái Tàu Thượng ở Đồng Tháp.

Sau đó, ở xã Hòa Phú (*trên đường từ thành phố Tân An vô thị trấn Tầm Vu*), có người phát tâm cúng dường cho trưởng lão Giác Nhơn hơn một công rưỡi đất. Trưởng lão cho hai đệ tử về ở trước, được một tháng lại bị công an bắt vì không đủ giấy tờ tạm vắng, tạm trú. Bà chủ đất xuống Ngọc Ân than với sư cô Khoa. Được lời gợi ý, bà nhận trưởng lão Giác Nhơn là cậu họ, rước ngài về ở được hai tháng, Phật tử đến rất đông. Lúc sắp hết hạn tạm trú thì trưởng lão lại bị bắt, lần này sư cô Khoa đi bảo lãnh cho trưởng lão Giác Nhơn và đệ tử về Tịnh xá Ngọc Ân ở luôn.

Trưởng lão Giác Nhơn chịu về Ngọc Ân rồi, sư cô Khoa phải về thưa với giáo đoàn, được ngài trưởng giáo đoàn đồng ý, nói: “Mình làm con, ngài bị nạn thì mình nên giúp.”. Sau đó sư cô đi Châu Đốc, lo cất hộ khẩu của trưởng lão, nhập về Ngọc Ân luôn. Khi hay chuyện đã rồi, Ni trưởng Trí Liên liền bắt phạt, biểu sư cô Khoa về Tân An, để lại tịnh xá cho trưởng lão Giác Nhơn và đệ tử ở. Nhưng sau đó sư cô vẫn về lại Ngọc Ân lo cho trưởng lão Giác Nhơn, rồi giữa các đệ tử xảy ra một chuyện không hay nên chư Tăng đi hết, chỉ còn lại một

mình trưởng lão trong lúc cuối đời. Lúc này đại đức Giác Giáo trụ trì Tịnh xá Ngọc Thành – Tân An của Giáo đoàn I vô tình trưởng lão về Ngọc Thành ở mà ngài không chịu.

Trưởng lão Giác Nhơn **ăn không khí để sống**, cho nên khi gia đình rước về ở chỗ ngột ngạt ẩm thấp ngài khó chịu, khi về chỗ thanh mát ngài nói với sư cô Khoa Liên: “Đây là lẽ sống của sư!”. Tại Ngọc Ân trưởng lão thường ở trong một nhà mát trống trải bốn mặt, còn cốc của ngài dùng làm nơi để tạm ít đồ.

Có đứa bé bị suyễn vào Tịnh xá Ngọc Ân chơi. Khi nó về, trưởng lão gọi nó lại, quay vô cốc lấy ra cho nó một hủ thuốc suyễn, bảo đem về uống. Sư cô Khoa khởi ý lên cốc thỉnh trưởng lão Giác Nhơn về Ngọc Ân cúng hội. Khi lên tới, vừa chào hỏi một lát thì trưởng lão đã nói: “Mấy bữa nay trong người không khỏe, chắc không đi cúng ở đâu được.”.

Tháng 6 âm lịch năm 1986 trưởng lão Giác Nhơn mất, sau sáu tháng bị bệnh. Tối hôm đó ngài vẫn nằm vờng ở nhà mát, mấy bà Phật tử về tụng kinh, đi thắp nhang đài Quán Âm ngài còn đùa: “Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát...”. (*Nói trên người mê tín chửi Phật như những ông thần, nói nhảm chữ Mô.*) Vậy mà tới 8 giờ 45, đệ tử chạy xuống báo cho sư cô Khoa là trưởng lão bị mệt, bị sư cô nạt là nhiều chuyện, để sư cô vá cái mùng cho rồi... Lúc sư cô ra đến cốc thì thấy trưởng lão Giác Nhơn hai chân co giật mạnh, mặt tím ngắt, muốn nói gì đó mà nghe không rõ. Một lát sau trưởng lão Giác Nhơn không co giật nữa, cũng không thở nữa, ngài đi rồi.

Hôm sau sư cô Khoa Liên cùng với Tăng, Ni và Phật tử trong vùng lo đám tang cho trưởng lão. Trong giáo đoàn có hai ngài Giác Phúc và Giác Tường xuống cúng, ngoài ra không có ai đến. Quý ngài lãnh đạo giáo đoàn đồng ý cho sư cô Khoa Liên làm tháp cho trưởng lão Giác Nhơn trong khuôn viên Tịnh xá Ngọc Ân.¹⁰ Sinh tiền ngài không chịu thiêu, chỉ muốn cha mẹ sinh sao thì để vậy, nên sư cô Khoa cho chôn, nhưng thân trưởng lão to hơn cổ quan tài gỗ sao sư cô đã mua từ trước, **cái bụng rất lớn** nhét hoài không vô, phải vất vả lắm mới nhập quan được. Còn Tăng, Ni ở Ngọc Thọ và Ngọc Mai khi hay tin đã vội thuê một chiếc xe Lam chạy lên Tầm Vu, định xin đưa nhục thân cổ trưởng lão Giác Nhơn về Ngọc Thọ. Cùng đi có ba vị là đại đức Giác Duyên, sư cô Cần và sư cô Thúy. Khi lên tới thì quan tài đã chôn, cầm đèn bin ra xem thấy mả mới lấp đất trong ngày. Ai cũng nghĩ là tang lễ chỉ có hai hôm thì hơi vội thật!

¹⁰ Quyết định này có vội không?



Tháp nhục thân trưởng lão Giác Nhơn tại Tịnh xá Ngọc Ân

Cổ trưởng lão Giác Nhơn là một vị thầy và là một huynh trưởng của nhiều Tăng, Ni khát sĩ. Trong thời buổi Đạo Khất Sĩ mới thành lập, rồi Tổ sư lại đi sớm, các đệ tử phải tự lực cánh sinh, lập tịnh xá, nhận đệ tử, mở mang thành đoàn... biết bao công trình. Trong thời buổi đó ngài Giác Nhơn như một người anh lớn, làm chỗ hướng về của không ít người bởi hạnh vô úy (*không sợ cọp*), lên núi tịnh tu không ham danh lợi, bởi tính cách phóng khoáng không bị ràng buộc vì những điều nhỏ nhặt, và vì những thần thông nhỏ thỉnh thoảng tiết lộ cho huynh đệ biết. Ngài có nhiều đệ tử nhưng không có ý lập đoàn, chỉ tùy duyên thu nhận và uốn nắn cho người. Ngài độc lập đi riêng, không gắn bó với giáo hội, không về giáo hội Tự tứ, sau này cũng không về Giáo đoàn I, tự tổ chức giới đàn riêng cho đệ tử, sống tùy thời, tùy hứng, như cánh chim lớn bay qua bầu trời cao rộng. Những việc tập võ với đệ tử, cho ăn hành và cho giữ tiền sau năm 1975, ở tịnh xá Ni lúc về già... đều có tính phá cách, trong tình hình Khất Sĩ đương thời còn rất kỹ. Việc ngài không về lại Ngọc Thọ sẽ được ghi nhận là một sự buông xả, buông cái cũ để lập cái mới; về mặt tình cảm sẽ ghi nhận là ngài nhường cho sư đệ và đệ tử ở tự ý, không phải dưới quyền ngài nữa. Một đời bậc tiền bối như thế xin được ghi nhận như vậy.

Hiện nay chú Thiện Ngộ phát tâm dời tháp trưởng lão Giác Nhơn về Tịnh xá Ngọc Thọ để lớp Tăng, Ni và Phật tử ngày xưa tiện thăm viếng, mỗi khi tưởng nhớ cổ trưởng lão. Điều này thật hợp lý, vì trưởng lão Giác Nhơn đã ở Ba Chúc, rồi gắn bó với Ngọc Thọ 18 năm dài, có công lao xây dựng và trung hưng tịnh xá. Nên tôi rất tán đồng tâm nguyện của chú, khuyên chú cứ về Giáo đoàn IV và Giáo đoàn I trình bày, chắc quý ngài lãnh đạo sẽ đồng ý. Nguyên giác linh cổ trưởng lão Giác Nhơn hoan hỷ tùy thuận cho chúng đệ tử, tuy cuối đời ngài đã chọn ở Ngọc Ân mà không về lại Ngọc Thọ.

Phần viết về trưởng lão Giác Nhơn này được hoàn thành sau khi tôi về Tân Trụ gặp chú Thiện Ngộ và đến Ngọc Tân tịnh xá gặp Ni trưởng Hạnh Liên,

Ni sư Thành Liên vào ngày 23/2/2016; rồi về Nhà Bàng ngày 29/2, thăm Ngọc Thọ, mộ sư Giác Sơn, ghé Ngọc Mai gặp Ni sư Cần Liên và ghé Ngọc Thanh gặp Ni trưởng Hoa Liên; lại hỏi thăm hòa thượng Giác Tường và hòa thượng Giác Ngộ; nghe được thêm thượng tọa Giác Tân và đại đức Minh Hiền đệ tử cô thượng tọa Giác Duyên kể lại chuyện thời hai vị ở Ngọc Thọ, nhân dịp cúng 49 ngày cho cố đại đức Giác Tân vừa mất hôm mừng 4 tết Bính Thân 2016; cùng với lần gặp Ni sư Khoa Liên ở Ngọc Ấn vào tháng 11 năm trước.

Tiếp theo là phần viết về trưởng lão Giác Lập.

Trưởng lão Giác Lập thế danh Bùi Văn Ngà, sanh năm 1924 tại làng Phú Ngãi Trị, quận Tân Trụ, tỉnh Tân An. Ông là người con thứ năm trong gia đình có tám chị em. Tuy ở nông thôn, nhưng gia đình khá giả và cha làm giáo viên nên các chị em Văn Ngà đều được đi học. Tánh Văn Ngà rất hiền lành, ít nói. Năm lên 16 tuổi Văn Ngà đã được cha mẹ cho đi ở rẫy trong làng gần bên, để sau ba năm sẽ cưới vợ.

Thuở ở nhà cha mẹ chỉ có thờ cúng tổ tiên, qua nhà vợ chú Ngà gặp được một môi trường tu hành theo Phật, cha vợ là một cư sĩ tu ở chùa Hội Long, trong nhà mỗi đêm đều có tụng kinh Phật. Thời đó chùa quê phải làm ruộng để sống, mấy thầy ở nhà trên, mấy cô ở nhà dưới. Thấy cảnh tu hành chú Ngà thích, thỉnh thoảng lại lấy áo tu của cha vợ mặc. Cô vợ chưa cưới mới hỏi: “Bộ thích tu sao lấy áo đó mặc hoài vậy?”. – “Ồ, thấy cũng thích.”. – “Thích thì tu đi.” – “Ồ, nhưng đừng có ở chung, với lại đừng có mần gì hết.”...

Sau ba năm ở rẫy chú Ngà cưới được vợ rồi về sống với cha mẹ ruột. Đến hai năm sau chú Ngà có đứa con gái đầu lòng, được ra ở riêng. Năm 1950, khi đứa con gái thứ hai chào đời được mấy ngày, cơ duyên Phật pháp đã đến với chú Ngà, trong một lần đi chợ chú gặp đại đức Minh Đăng Quang đang đi khát thực. Thấy cảnh người tu khổ hạnh, đầu đội trời, chân đạp đất, đi hóa duyên ngang chợ chú Ngà rất cảm động. Trong khi thế nhân mãi lo làm ăn, lo nhà cửa, vợ con, say mê trong vật chất... thì có những người xả bỏ tất cả để tu hành như thế. Chú đi theo sau xem, mãi đến khi các nhà sư khát thực xong, đến gốc cây ngồi, đọc kinh cúng và ăn cơm xong chú mới về.

Về nhà chú Ngà kể lại điều mình đã chứng kiến với người bạn đời. Đồng cảm với chồng, người bạn đời đã khuyến khích chú xuất gia học đạo. Thế rồi không thừa qua cha mẹ hai bên và báo cho các anh chị em biết, chú Ngà liền tìm xuống Tịnh xá Ngọc Viên ở Vĩnh Long xin đại đức Minh Đăng Quang cho xuất gia học đạo. Sau khi nhập đạo, chú được pháp danh là Giác Lập. Từ đó Giác Lập tinh tấn trên con đường đạo đức, không bao giờ trở lui cảnh đời nữa. Nhưng đến gần một năm sau, nghe tin cha không bằng lòng, thường làm dữ ở nhà, sư Giác Lập phải về thăm nhà một lần để thu xếp ôn hòa...

Ngày mùng 1 tháng 2 âm lịch năm 1954 đại đức Minh Đăng Quang bị quân đội của ông Năm Lửa bắt giam tại Cái Vồn. Chiều hôm đó chư Tăng, Ni khát sĩ được các cư sĩ đi theo hộ pháp cho Sư trưởng về Vĩnh Long báo lại. Sáng hôm sau, các sư sa-di ở Ngọc Viên rủ nhau đi tìm thầy, có tất cả tám sư là

Giác Tôn, Giác Hoằng, Giác Lập, Giác Nguyên, Giác An, Giác Thường, Giác Duyên và Giác Giới. Trong khi đó các sư lớn, hàng tỷ-kheo đệ tử ngài Minh Đăng Quang có phần điềm tĩnh hơn trước tin dữ. **Khi tám sư đến doanh trại của ông Năm Lửa, họ xin vào thăm thầy, bị bọn lính Hòa Hảo đập bắt và lột hết y, phát mỗi người một cái quần đùi,¹¹ bắt hai người cùng chung một công dẫn vào tù. Họ chẳng được gặp thầy. Lâu lâu bọn lính đánh ai đâu không biết, tay chân máu me không, lại đưa cho các sư xem, nói: “Mới tra khảo thầy mấy ông nè!”...**

Hơn ba tháng trôi qua tám sư mới được trả tự do, xin xe về Ngọc Viên, tìm y bắt mới để mặc dùng, tiếp tục tu hành. Nhưng khoảng 5 năm sau thì trong số tám huynh đệ chỉ còn hai sư là Giác Lập và Giác An, sáu vị kia đã lần lượt thối lui lại cõi đời. Tánh ngài Giác Lập rất ít nói, sau này khi cô Châu Liên hỏi về việc vào tù tìm Tổ, ngài chỉ nói có mấy câu về một sự kiện trọng đại như thế, (là đoạn bôi đen ở trên). Cô Châu Liên còn hỏi cha: “Sao tánh trưởng lão hiền vậy mà dám vào tù tìm Tổ?”, ngài đáp: “Khi mình thương rồi thì chuyện gì mình cũng dám làm.”.

(Như vậy Trung Giang Ký Sự đã sưu tầm được năm thông tin về sự kiện này, do năm người trong cuộc là Giác Tôn, Giác Hoằng, Giác Lập, Giác Giới và Giác Pháp kể lại, mỗi thông tin đều có phần khác nhau.)

Từ đó sư Giác Lập theo các huynh đệ bền chí tu hành. Đặc biệt sư chỉ muốn giữ mãi giới phẩm Sa-di mà bốn sư đã trao truyền. Trong giai đoạn này sư cùng vài huynh đệ lên núi Cẩm, núi Két tu, có khi sang cả núi Tà-lon bên kia biên giới tu nữa...

Năm 1957, Giáo hội Tăng-già Khất sĩ tổ chức Tự tứ Tăng tại Tịnh xá Ngọc Thanh tỉnh Tây Ninh. Trong dịp Tự tứ, Pháp sư Giác Nhiên cùng năm vị Giác Lập, Giác Tường, Giác Lạc, Giác Tấn và Giác Bảo đã xin phép giáo hội về núi Ông Tiêu, xã Tam Phước, huyện Long Điền, tỉnh Phước Tuy (nay là tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu) tịnh tu. Từ đó Pháp sư Giác Nhiên lập ra một đoàn du Tăng Khất sĩ riêng.

Năm bé Cẩm Loan được 10 tuổi, sư cô Cung Liên về dẫn bé theo đi tu. Từ Dầu Tiếng sư cô bảo tiểu Vinh dẫn em ra Tịnh xá Ngọc Hòa ở núi Ông Tiêu, Long Điền thăm cha. Đến nơi, hai ngài Giác Tường và Giác Nhiên không cho tiểu Vinh vào, vì đã 15 tuổi, chỉ cho bé Cẩm Loan vào cốc thăm cha. Cẩm Loan vào đánh lễ sư Giác Lập, sư hỏi: “Trò ở đâu vậy?” – “Bạch sư, con ở Long An.” – “Trò ra đây với ai?” – “Bạch sư, con ra với Tiểu Vinh.”. Nghe đến đó nhà sư liền biết đây là con gái út của mình, bèn lấy dao kê con ra cạo đầu. Pháp sư Giác Nhiên cản: “Để cho nó học hành chứ cạo đầu làm chi. Cạo đầu rồi có biết gì đâu. Nó vô cũng nhảy lò cò như Tiểu Vinh chứ gì?”. Sư Giác Lập nói: “Bây giờ thì dễ, lớn rồi bảo tu lỡ nó không chịu thì phiền phức.”. Pháp sư lại nói thêm, cuối cùng sư Giác Lập nói không lại phải nghe theo. Cẩm Loan đi thăm cha hai, ba lần đều gặp cảnh tương tự. Đến khi học xong tú tài II cô mới xuất gia theo sư cô Cung Liên.

¹¹ Hồi đó theo Luật, các sư không mặc quần trong.

Ở núi Ông Tiêu hơn ba năm sau sư Giác Lập về lại giáo hội. Năm 1965¹² có mấy lần sư bị bệnh đều do hai cô Vinh Liên và Châu Liên (*lúc đó còn để tóc đi học*) xuống nuôi. Hay tin Pháp sư đã thỉnh sư về Tịnh xá Trung Tâm dưỡng bệnh, rồi ra Ngọc Hương là một tịnh xá trên núi tại Vũng Tàu ở luôn đến cuối đời.

Khi về trụ Ngọc Hương sư Giác Lập vẫn còn là sa-di. Thấy cảnh các vị tân tỳ-kheo đến Ngọc Hương là sư Giác Lập đắp y ra đánh lễ theo bổn phận của hàng sa-di trong giáo hội, Pháp sư Giác Nhiên không đành lòng nên hết sức khuyên can sư huynh hãy thọ Đại giới. Nể lời Pháp sư, sư Giác Lập đã chịu thọ giới Tỳ-kheo, nhưng vẫn tịnh tu chứ không tiếp xúc Phật tử, không hoằng pháp, cũng rất ít nói chuyện với chư Tăng.

Ngài rất quý tâm y vá của mình. Y đó tượng trưng cho Pháp, hễ rách là ngài tự tìm vá vá lại. Có lần sư cô Châu Liên thấy cha trải tấm y casa ra, leo lên ngồi vá chỗ rách, sư cô nói: “Trưởng lão để đó con vá cho.”, ngài rầy ngay: “Nói bậy!”.



Trưởng lão Giác Lập, 1924 – 1997.
(Hình để lâu ngày trong album bị nổ lổm đổm nhiều chỗ.)

Ở Tịnh xá Ngọc Hương trưởng lão Giác Lập rất tinh tấn. Ngài thường tu thiền, trì *Kinh Kim Cang*, buổi sáng thì làm công quả nhỏ cỏ, trông trọt cho tịnh xá (*chứ không đi khát thực*). Khi trì kinh ngài thường đứng tụng trong cốc, tụng đến mức mấy cuốn *Kinh Nhật Tụng* của Bắc tông đều bị mòn gần lưng chỗ đầu mấy trang có *Kinh Kim Cang*. Khi về Ngọc Hương thăm trưởng lão, sư cô Châu Liên lên nhìn vô cốc **thấy trưởng lão đứng tụng**, nên lúc gặp dịp liền hỏi: “Sao trưởng lão không ngồi mà đứng tụng kinh cho mỏi chân?”. Ngài trả lời con: “Mình đứng cho khỏi ngủ gục.”.

Nói về *Kinh Kim Cang* thì trong bộ *Chơn Lý* Tổ sư Minh Đăng Quang có triển khai kinh này, như trong bài *Chơn Như* cũng trích dẫn *Kim Cang* và cuối

¹² Thời điểm tạm xác định dựa vào thông tin “về Trung Tâm dưỡng bệnh”, mà Tịnh xá Trung Tâm được lập năm 1965.

bài *Huệ*, năm đoạn yếu lý Kim Cang đã được Tổ sư Minh Đăng Quang trích dẫn như sau:

Vật chi nếu có tướng hình
Thấy đều hư mộng, vọng tình, bông lông
Bằng xem tướng có là không
Nhận ra đức Phật khắp trong cảnh tình.

Nếu ai chấp có biết mình
Biết người, cùng biết chúng sanh kia là
Lại thêm mạng số biết tà
Phải đâu Bồ-tát vượt qua lưới mảnh.

Nếu xem Phật ở tướng xinh
Lại nghe Phật ở âm thanh dịu dàng
Thì ra kẻ ấy lạc đàng
Như Lai chơn tánh có tàng chi chi.

Những là các pháp hữu vi
Giống như mộng ảo, khác gì huyễn thôi
Tựa hồ giọt nước dòng khơi
Mảnh hình ảnh giả, chút hơi sương tàn
Thoáng qua, chớp nháng lệ làng
Phải nên soi sáng hiệp tan đó là.

Cái tâm đã biết vừa qua
Vốn thành quá khứ chạy xa lạc loài.
Cái tâm vừa biết đương nay
Thì tên hiện tại nào ai thấy nào?
Cái tâm chưa biết về sau
Vị lai chẳng có ước ao chi mà.

Năm đoạn này do ông Đoàn Trung Còn dịch, ngài Minh Đăng Quang khi sử dụng có biên tập lại vài chỗ. Trong bản gốc *Kinh Kim Cang* phiên âm Hán – Việt, năm đoạn này như sau:

1. Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai.

2. Nhược Bồ-tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ-tát.

3. Nhược dĩ sắc kiến ngã
Dĩ âm thanh cầu ngã
Thị nhân hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai.

4. Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng, huyễn, bào, ảnh
Như lộ, diệt như điện
Ứng tác như thị quán.

5. Quá khứ tâm bất khả đắc. Vị lai tâm bất khả đắc. Hiện tại tâm bất khả đắc.

Tụng kinh giả minh Phật chi lý, vậy tụng nguyên cuốn *Kinh Kim Cang* hay tụng năm đoạn yếu lý trên cũng như nhau, cốt là giác ngộ được tánh Kim cang mới quý.

Sau khi gặp Ni sư Châu Liên rồi, ngày 25 tháng 11 tôi nhờ Thiện Tâm chở đi một vòng khắp Thành phố Hồ Chí Minh, qua bốn điểm là chùa Phổ Minh Bửu Tự ở quận 8 (*để tìm hiểu về thượng tọa Giác Hải, nguyên Tổng Thư ký Giáo hội Tịnh Độ Tông Việt Nam, bạn đạo của trưởng lão Huệ Thế*), Tịnh xá Ngọc Phú ở Tân Bình, Tịnh xá Ngọc Vân gần Suối Tiên và Pháp viện Minh Đăng Quang ở ngã ba Cát Lái. Ghé Pháp viện, tôi đã gặp được đại đức Minh Đạo, người đệ tử duy nhất của trưởng lão Giác Lập. Qua 20 phút trao đổi với đại đức đã giúp tôi có được những thông tin quý giá:

Sư Minh Đạo người ở Bến Gỗ – Long Thành, gần Ngã ba Vũng Tàu. Năm 1990, người chị kế của sư bỏ nhà đi đâu cả năm mới về thăm. Khi chị về mọi người mới biết là chị đi công quả ở Tịnh xá Ngọc Hương – Vũng Tàu suốt thời gian qua. Ở đó mấy sư cô kêu chị đi xuất gia mà chị nói về thừa gia đình trước đã.

Về nhà, chị rủ em trai đi công quả, nói ở Ngọc Hương có sư ông già rồi, không ai đêm hôm lo cho sư ông. Sư Minh Đạo liền chịu, đầu tháng Tư âm lịch năm 1991 theo chị đến Tịnh xá Ngọc Hương xin làm công quả. Lúc vừa đến thì gặp ngay trưởng lão Giác Lập, trông như ông tiên, hồng hào phúc hậu. Vừa gặp mặt thì trưởng lão liền nhận làm đệ tử, đặt pháp danh là Thiện Đạo, dẫn lên núi giao cho một cái cốc ở. Mấy sư cô ai cũng khen (*là chú này có phước...*).

Hơn một tuần sau, tới rằm tháng Tư trưởng lão Giác Lập đã thể phát cho Thiện Đạo, đổi pháp danh là Minh Đạo, lại bảo qua ở chung cốc với trưởng lão. Cốc trưởng lão Giác Lập đang ở lúc đó có hai tầng, ngài ở tầng trên, cho đệ tử ở tầng dưới, khi cần gì ngài vỗ tay báo cho Minh Đạo lên.

Lúc sư Đạo đến thì trưởng lão Lập đã giao hết việc cho các sư cô rồi, không còn trông trọt nữa, nhưng mỗi sáng cũng đi dạo một vòng khoảng một tiếng rồi về cốc. Dần dần sư Đạo lãnh việc nấu ăn cho hai thầy trò luôn, không phiền các sư cô dưới núi mỗi bữa nấu cho. Trưởng lão Lập sống rất bình thường, ăn uống đơn giản. Mỗi ngày, sáng và chiều ngài ăn cháo trắng, bữa trưa ăn cơm với hai miếng tàu hủ trắng và một tô canh rau nhỏ, không dùng bột ngọt, bỏ vô ít đường, ít muối. Ngày nào ngài cũng ăn như thế, tạm nuôi thân để tu hành.

Về việc tu hành, trưởng lão Giác Lập dạy sư Minh Đạo: “Khi đi, đứng, nằm, ngồi con đều niệm “Nam-mô A-di-đà Phật”, đừng phóng tâm. Con niệm như vậy thì khi ngồi thiền dễ định. Con phải nhớ người đầu việc nấy, phải nhớ niệm Phật chỉ là phương tiện để chánh niệm, sau tới chơn niệm là niệm tự tâm.”. Thấy đệ tử tuổi thanh niên khí huyết sung mãn, trưởng lão Lập thỉnh thoảng lại dạy sư Đạo **pháp quy túc**: “Con hít sâu vào, dùng tư tưởng kéo nó vô, không cho chảy ra bậy bạ.”.

Còn ngài mỗi đêm đều **ngồi trên ghế** trì *Kinh Kim Cang*, miệng đọc lầm nhảm. Ngài đọc đến mức quyển kinh cũ mềm luôn. Ba, bốn giờ sáng ngài đã lục đục dậy, trì kinh rồi tập thể dục gậy.

Khoảng ba tuần cuối đời, có mấy lần lúc nửa đêm trưởng lão Giác Lập đi xuống, đứng ở cầu thang vỗ tay reo mừng: “Sắp đi rồi! Sắp đi rồi!”. Sư Minh Đạo giật mình hỏi thầy: “Có gì không sư ông?”, ngài đáp: “Không có gì.”.

Tánh Chơn không chẳng đến chẳng đi, ở khắp, nên quả thật là “Không có gì”. Nhưng đối với nhân loại say mê thân xương thịt máu mủ, ham sống sợ chết, hay đối với một chú đệ tử mới xuất gia được mấy năm, đang say ngủ, thì cũng nên reo mừng “Sắp đi rồi” để khai tâm cho những người ấy. Chết chỉ là một sự ra đi rất vui vẻ, vì trưởng lão Giác Lập đã chủ động và đã biết chỗ đến rất vui. “Ta sẽ đi đến cái Vô động, cái Không lay chuyển, cái đó không thứ gì giống được hết! Đó là Chơn phước cực đại.”, Tổ sư Minh Đăng Quang đã chỉ đường cho chúng ta như thế.

Tôi hỏi đại đức Minh Đạo:

– Trưởng lão Lập có nói ngài tu pháp gì không, đại đức?

Sư Đạo đáp:

– Mình có hỏi, ngài nói là tu **pháp Kim Tiên Đại Giác**, tu hết rồi ngài trở về với **Chơn không**, với tự tánh.

Dĩ nhiên là các Tăng, Ni đệ tử Tổ sư Minh Đăng Quang tu Giới Định Tuệ theo lời dạy của Tổ sư. Điều tôi hỏi là hỏi pháp thiền định cụ thể của trưởng lão Giác Lập hành trì. Trong các pháp Chánh định của nhà Phật, bốn thiền sắc giới đã được chọn là bốn thiền căn bản để làm bậc thang đi lên, trên nền tảng của Giới, và phải kết hợp với Tuệ để khai thông. Đây là đặc điểm của thiền định Phật giáo đã được đích thân Phật Thích-ca truyền dạy, còn ghi rõ trong tạng kinh Pàli: luôn luôn phải kết hợp cả ba phần Giới – Định – Tuệ. Giới của Phật giáo phải là Giới của Định và Tuệ, Định của Phật dạy phải là Định của Giới và Tuệ, Tuệ của Phật giáo phải là Tuệ của Giới và Định, để không rơi vào những chấp thủ, mê mờ và ngã mạn trong khi hành đạo. Dem sức mạnh của sự phối hợp đó mà đắc Niết-bàn.

Như vậy trong rất nhiều pháp thiền định, trưởng lão Giác Lập lúc đầu đã dùng pháp Tiên để làm phương tiện định tâm, lấy sức đó quán chiếu tánh Chơn không mà đức Phật đã thuyết minh trong *Kinh Kim Cang*. Ngài đã thành tựu được gì, ta sẽ tìm hiểu ở Lời dặn cuối cùng của ngài, gồm hai bản viết tay được tìm thấy trong cốc trưởng lão sau khi ngài mất. Hai bản đó là bản nháp và bản chính, mang nội dung như nhau, nhưng bản chính trình bày kỹ hơn.

“Lời Dặn Cuối Cùng:

Mô Phật. Thời gian qua tôi tu hành thâm nhuần đạo pháp, ý thức được sự chết (*giả tướng*) bao nhiêu thì chúng ta càng ý thức được sự sống **HÀNG HỮU** Đời Đời (*thể tánh*) bấy nhiêu.

Tin rằng tất cả sẽ an nhiên trước và sau giờ phút tôi ra đi.

Đó là phút giây an lạc nhất mà tôi vui đón để trở về quê xưa cảnh cũ.

Khi tôi ra đi rồi; thương mến tôi thật sự, tất cả hãy bình tâm, tịnh định niệm hồng danh của đức A Di Đà Phật.

Không được bi lụy khóc lóc buồn rầu, vì như thế sẽ phóng ra những ý tưởng không lành, kèm kéo người ra đi và tạo nên bầu không khí không trong sáng.

Thương mến tôi thật sự

Hãy giữ im lặng, trang nghiêm, chú tâm nguyện cầu một cách đơn giản là tốt đẹp nhất.

Sau khi đi rồi, tổ chức thật giản tiện, không nên phí phạm tiền của đàn na, tín thí.

Không nhận tiền hay hoa quả.

Miễn lễ tang.

Không cần coi ngày giờ chôn cất. Trong vòng ba ngày hỏa táng rồi cho vào hủ thờ. Vì hỏa táng nên mua loại quan tài rẻ tiền.

Y phục không cần mang theo.

Tất cả hãy chung vui lo Phật sự

Xả bỏ ngã nhân cùng vọng chấp.

Tướng nội tu hành miên mật.

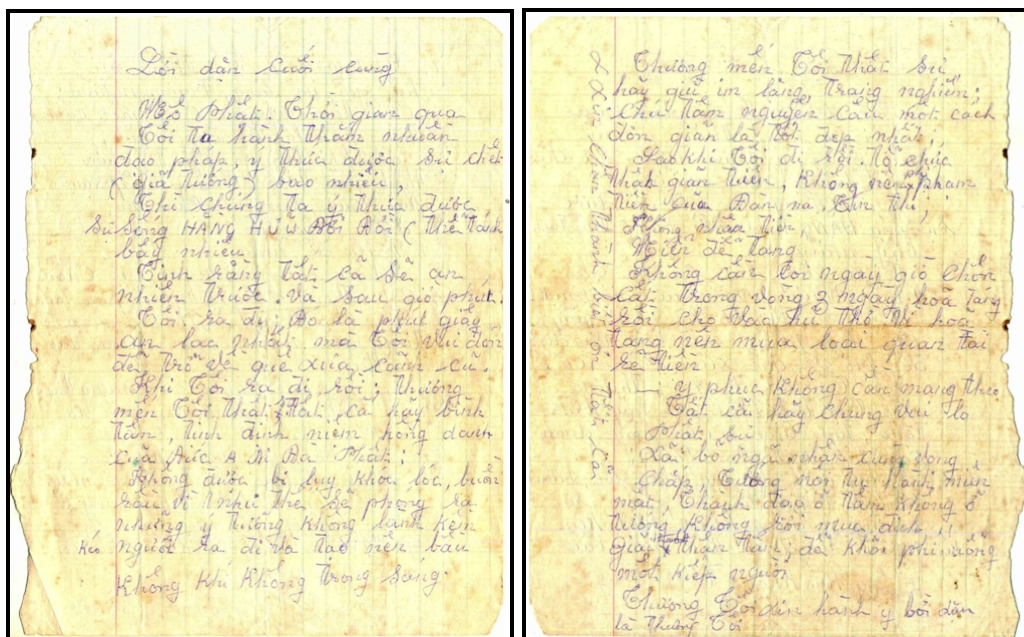
Thành đạo ở tâm không ở tướng. Không rời mục đích

Giải thoát thân tâm để khỏi phí uổng một kiếp người.

Thương tôi xin hành y lời dặn là thương tôi.

Xin chân thành biết ơn tất cả.

Vũng Tàu, ngày 17 tháng 11 năm B.Tý.”



Mặt trước và mặt sau **bản nháp** *Lời Dặn Cuối Cùng* của trưởng lão Giác Lập.
Bản do TX. Ngọc Ninh – Tây Ninh giữ. **Bản chính** đã đưa về Giáo đoàn lúc làm kỷ yếu.

Những lời dặn cuối cùng của trưởng lão Giác Lập cho chúng ta biết rằng ngài đã chứng nghiệm được sự sống hằng hữu đời đời¹³ và bây giờ ngài đã trở về quê xưa cảnh cũ. Đó chẳng phải là thành tựu chân chánh của hàng đệ tử Phật hay sao? Ngoài những lời dặn dò chân chánh và giản đơn về hậu sự của ngài, trưởng lão Giác Lập còn bảo ban mọi người hành đạo như là một huynh trưởng nói với đàn em: “Tất cả hãy chung vui lo Phật sự, xả bỏ ngã nhân cùng vọng chấp, tướng nội tu hành miên mật. Thành đạo ở tâm không ở tướng. Không rời mục đích giải thoát thân tâm để khỏi phí uổng một kiếp người.” Đây quả thật là những lời dạy của một bậc chân sư. Cả đời ngài không lên pháp tòa thuyết pháp, không tham gia giáo dục Tăng Ni gì cả, nhưng hai trang viết tay của ngài để lại đã là một bài pháp hùng hồn và thuyết phục nhất về sự chơn tu thật chứng, bởi vì hai trang đó được viết nên bằng cả một đời người!

¹³ Trưởng lão Giác Lập dùng từ “sự sống hằng hữu đời đời” rất đáng chú ý. Chính ngài còn viết in “HÀNG HỮU” và viết hoa “Đời Đời” cho mọi người xem nữa.



Chánh điện Tịnh xá Ngọc Hương, xây năm 1998.

Trên triền núi Nhỏ, dưới ngọn hải đăng Vũng Tàu, ngôi Tịnh xá Ngọc Hương nằm ven triền núi phía Đông, quanh năm lồng gió trùng dương. Từ khi khai sơn vào năm 1960, tịnh xá đã được chư Tăng trong đoàn luân phiên về trụ, trông nom, hoằng pháp. Thế rồi trưởng lão Giác Lập đã về đây tịnh tu hơn 30 năm. Suốt quãng thời gian ấy, khắp tịnh xá, từ gốc cây, bờ rào, bụi cỏ, đâu đâu cũng đều in dấu chân của ngài. Mỗi ngày, buổi sáng trưởng lão thường thay bộ đồ cũ, tay cầm cuốc ra vườn khi trồng xả, trồng chuối, bạch đàn, khoai mì... hoặc dọn cỏ. Ngài vui vẻ chấp tác việc chùa, không quản cực nhọc. Còn buổi chiều và tối ngài lại ở trong cốc chuyên tu hành, việc tịnh xá đã có chư Ni ở phía dưới lo.

Hơn 30 năm ẩn sơn tu hành, trưởng lão Giác Lập đã nêu gương sáng cho đời và cho đạo. Hàng ngày ngài không đi khát thực để nuôi thân nhưng chưa bao giờ ngài quên xin tinh thân, các pháp để nuôi trí. Không đi khát thực, ngài đã phụng sự cho tịnh xá một buổi sáng để được dùng bát cơm thường trụ mỗi ngày, chẳng kể mình là bậc bề trên rồi mặc sức hưởng dùng. Mỗi ngày ngài cần chuyên dẫn thân trên những nẻo đường huyền bí của tâm linh, người ngoài không lường được. Trông tấm gương trưởng lão Giác Lập, hàng Phật tử sẽ hiểu được rằng: Chính khát sĩ là quý báu nhất trong đời, là bậc hiền nhân chăm học, là bậc đủ can đảm vượt qua cõi Trời Người, vất bỏ tham sân si, diệt cắt dây ái dục, bay khỏi lục trần, lục căn đã như già chết; là bậc mà đường trần bụi chẳng còn dáo lại để phải dính dờ, là bậc mà ít người theo được!

Ngày 30 tháng 11 âm lịch, trưởng lão Giác Lập lâm trọng bệnh. Ngài muốn được ở lại tịnh xá trên núi trong những ngày cuối đời nhưng chư Tăng, Ni hết sức khuyên can trưởng lão đi bệnh viện để chữa trị. Thượng tọa Giác Ngộ lúc đó có mặt ở Ngọc Hương đã nói: “Trưởng lão là người của sáu giáo đoàn, trưởng lão phải về Trung Tâm chứ ở đây không tiện.”. Nể lời mọi người, trưởng lão Giác Lập đã đồng ý về Bệnh viện Chợ Rẫy điều trị.

Ngày mùng 9 tháng chạp năm Bính Tý, đầu năm 1997, trưởng lão Giác Lập đã thân thân viên tịch. Cõi Phật tỏa ngát hương sen, thành thang trải đầy cát vàng lóng lánh. Hoa vẫn nở, chim vẫn hót trong ngày trở về quê xưa cảnh cũ!

Cổ trưởng lão đã đi xa, nhưng chư Ni Ngọc Hương vẫn còn nhớ mãi lời ngài dạy: “Các con phải cố gắng trau dồi giới đức, đừng để vọng niệm phát sanh, luôn phải giữ tâm thanh tịnh niệm Phật.”.

Người đã đi rồi, kể từ đây:

Tịnh xá cũ, mái liêu xưa
Bờ rào, góc núi, kênh trưa, nắng đồng
Ngôi chùa vắng bóng sư ông
Trời Tây một đóa sen hồng ánh dương!

(TKN. Xinh Liên cảm tác)



Bảo tháp tôn thờ xá lợi của cổ trưởng lão Giác Lập
(Từ chánh điện chụp lên và từ cốc trưởng lão chụp xuống.)

Tang lễ cổ trưởng lão Giác Lập được Hệ phái Khất Sĩ long trọng tổ chức tại Tịnh xá Trung Tâm, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau lễ Trà-tỳ nhục thân cổ trưởng lão Giác Lập, toàn bộ tro cốt được đem về Tịnh xá Ngọc Hương, trong đó các sư cô lựa ra được 6924 viên xá-lợi lớn nhỏ gồm các màu xanh, cam, lam, trắng, đen, vàng, đỏ. 6000 viên được cất vào tháp đá trắng, còn 924 viên tặng cho các tịnh xá trong và ngoài nước tôn thờ. Đến tháng 10 năm 1997, Tịnh xá Ngọc Hương khởi công xây tháp thờ trưởng lão Giác Lập, sau 13 tháng thì hoàn thành. Trong tháp, tầng trệt an trí bàn thờ trưởng lão, tầng kế thờ y bát, trên nữa thờ tro cốt, và cuối cùng thờ xá-lợi. Nhưng nhìn bên ngoài thì tòa tháp có bảy tầng mái.

Ngày nay, bên sườn núi Nhỏ – Vũng Tàu vẫn uy nghi ngôi bảo tháp tôn kính công đức tu hành của trưởng lão Giác Lập. Thế nhân nhìn đâu cũng bằng những đôi mắt dục kiến, ái kiến, ngã kiến... nên chắc rằng chẳng bao giờ biết được công đức tu hành là gì. Nói theo những tư duy phổ biến thời nay, ảnh hưởng của khuynh hướng tâm lý Mỹ, người ta thường đề cao các hạng người Doi, người Nhện, người Kiến, người Cá, người Cát, người Sắt, người Sói, người

Ngoài hành tinh... là siêu nhân, thì các bậc như trưởng lão Giác Lập mới đúng thật là Siêu nhân đó!

Hai trưởng lão Giác Nhơn và Giác Lập đã lần lượt ra đi, đương thời ít ai biết được hai ngài. Nhưng qua bài viết này, cuộc đời và đạo nghiệp của hai ngài đã được mọi người biết đến. Như hai ngài là hai nhân vật lịch sử của Đạo Phật Khất Sĩ, đứng vào hàng trưởng lão đệ tử Tổ sư và không thuộc riêng giáo đoàn nào hết.

Voi chúa đi đâu, voi con theo đến đấy. Đức Minh Đăng Quang xuất thế làm đạo, các đệ tử của ngài cũng ứng thế hộ trì. Nói cách khác, bậc đại Bồ-tát đã nhiều đời gieo duyên kết phước với chúng sanh, nên đến đâu cũng có quyến thuộc theo ủng hộ. Nói chung thì đây là nhân quả chứ không có gì lạ, thuộc về hữu vi, có không được mất ở đời. Ai muốn được thuận duyên khi làm đạo thì nên giáo hóa chúng sanh, thi ân bố đức, làm phước, cúng dường, phát nguyện... cho nhiều. Và ai bị lắm chuyện khảo đảo khi tu hành thì cũng đừng ngạc nhiên, than trách, buồn khổ, vì đó cũng là “quyến thuộc” theo đòi đấy.



NT. Hạnh Liên và NS. Thành Liên tại Tịnh xá Ngọc Tân, tháng 2/ 2016.

(Ni trưởng vắt y vai trái, Ni sư vắt y vai phải.)

Lần tiếp xúc Ni trưởng Hạnh Liên và Ni sư Thành Liên ở Tịnh xá Ngọc Tân – Tân An, tôi đã được biết về Ni giới Giáo đoàn I. Do vậy tôi ghi ra đây để làm tư liệu tham khảo.

Ni giới Giáo đoàn I hình thành do nhóm ba Ni trưởng Trung Liên, Hạnh Liên và Liên Liên kết hợp với nhóm ba thầy trò Ni sư Sáng Liên và Yển Liên, Bửu Liên. Ba Ni trưởng Trung Liên, Hạnh Liên và Liên Liên xuất thân là ba đệ tử lớn của Ni trưởng Ngân Liên, còn ba Ni sư kia xuất thân từ nhóm năm vị Ni theo đoàn du Tăng của đức Nhị Tổ đi hành đạo các nơi sau năm 1975.

Ngày xưa Ni trưởng Ngân Liên nhận đệ tử, lần lượt là các cô: Chánh Liên, Thủy Liên, Mỹ Liên, Trang Liên, Trung Liên, Hoa Liên, Hạnh Liên, Liên Liên, Duyên Liên, Tùng Liên, Thanh Liên, Thiền Liên, Thọ Liên... Ba vị Trung Liên, Hạnh Liên và Liên Liên người ở Tân Trụ, từ nhỏ đã được gặp Tổ sư, năm

1960 phát tâm xuất gia theo sư cô Ngân Liên, đến năm 1969 đã xin bốn sư đi tu tịnh. Trước đó ba chị em đã lập được hai tịnh xá là Ngọc Ân – Ba Chúc và Ngọc Mai – Nhà Bàng, năm 1969 về Tân An lập Ngọc Tân. Về sau ba vị dẫn đệ tử y chỉ theo đoàn của đức Nhị Tổ.

Lúc đầu Giáo đoàn I chưa công nhận nhóm Ni này, nhưng Trưởng lão Tri sự Giác Như vẫn cho về sám hối mỗi dịp lễ Tổ và Tự tứ. Đến năm 2000 họ được chính thức gia nhập¹⁴. Hiện nay Ni giới Giáo đoàn I có 11 tịnh xá: Ngọc Tân – Tân An, Ngọc Chơn – Vĩnh Long, Ngọc Quang – Thốt Nốt, Ngọc Liên – Vĩnh Long, Ngọc Tâm – Rạch Giá, Ngọc Mai – Nhà Bàng, Ngọc Duyên – Thốt Nốt, Ngọc Châu – Vĩnh Long, Ngọc Châu Như – Vĩnh Châu, Ngọc Đăng – Vũng Tàu, Ngọc Phước – miệt thứ của Rạch Giá.



Tịnh xá Ngọc Tân ở thành phố Tân An
Ngôi chánh điện này do chú Thiện Ngộ thiết kế và thầu xây dựng.

Ban quản chúng Ni giới Giáo đoàn I hiện nay do Ni trưởng Hạnh Liên (88 tuổi) làm trưởng, có bốn vị phó ban là bốn Ni sư Cầm Liên, Yến Liên, Thành Liên, và Bửu Liên; lại có một thư ký, một kiểm soát và một thủ quỹ... Tổng số Ni chúng khoảng 90 vị. Mỗi năm Ni giới Giáo đoàn I tuần tự tổ chức tu tháng giêng ở Ngọc Đăng, tháng 2 ở Ngọc Mai, tháng 3 ở Ngọc Tân, cuối tháng 3 ở Ngọc Chơn, ba tháng Hạ về Vĩnh Long, tháng 8 ở Ngọc Tân, tháng 9 ở Ngọc Quang, tháng 10 ở Ngọc Mai, tháng 11 ở Ngọc Tâm, và tháng 12 ở Ngọc Liên. Có ba khóa tu học khác nhau: chuyên tu, học luật, hoặc khóa tu cho sa-di, được luân phiên tổ chức theo địa điểm và thời gian đã ấn định nói trên. Do hòa thượng Ngọc Viên chỉ đạo tổ chức mà được nề nếp như vậy.

Tôi thừa nhận với Ni sư Thành: “Hòa thượng Ngọc Viên có tinh thần tổ chức, thật đáng quý lắm. Chúng ta ở rời rạc sẽ bị yếu, hiệp đoàn lại thì mạnh. Cũng như thợ hồ làm sắt đồ bê-tông, họ đan sắt thành kết cấu chịu lực, mạnh lên rất nhiều. Còn về kiến giải và kinh nghiệm tu chứng thiền của ngài thì sư không phục, nên mấy khóa tu thiền của Hệ phái sư hay phản đối hòa thượng, ha, ha...”.

¹⁴ Dùng từ “Thành lập” chính xác hơn.

Ni sư Thành lại kể: Hồi đó sư cô Linh Liên ở Ngọc Mai, đi khát thực bị bẻ bát, đến trình trưởng lão Nhơn sám hối. Trưởng lão nói: “Thôi, đáng lẽ quỳ 30 cây mà quỳ ba cây thôi.”. Một lát trưởng lão lại nói: “Thôi, chế đi, một cây bẻ làm ba, quỳ một khúc được rồi.”.

Bây giờ sư Minh Chánh đoàn VI xin bằng hiệu Ngọc Ân ở Ba Chúc do hai Ni trưởng Trung Liên và Hạnh Liên đã lập từ xưa để cất lại tịnh xá. Lúc khánh thành sư có mời quý Ni trưởng ở đây về dự.

Tôi nói một chuyện vừa nghĩ đến: “Bảo cho Ni trưởng và Ni sư một tin mừng: Sắp tới Việt Nam mình sẽ bỏ hộ khẩu, vậy là chúng ta có thể thực hiện được chế độ Đoàn du Tăng lại rồi!”. Bởi Ni sư Thành nói về những khóa tu ngày nay khiến tôi liên tưởng đến chương trình tu học thời Tổ sư.

Ngoài đề tài chính là trưởng lão Giác Nhơn và Ni giới Giáo đoàn I, hôm đó chúng tôi còn trao đổi linh tinh một số chuyện. Đến hơn 3 giờ tôi xin phép về kéo trể. Chú Thiện Ngộ lại lái ô-tô đưa tôi đi, chở ra bến xe Long An. Tôi đi xe bus số 628 về Bến xe Miền Tây, tại đó mua vé Kumho về Vũng Tàu...
